



TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ VIỆT NAM
BẢN KINH TẾ ĐẦU TƯ
PHÒNG PHÂN TÍCH - DỰ BÁO



BẢN TIN KINH TẾ VĨ MÔ

số tháng 8/2022



MỤC LỤC



PHẦN I: KINH TẾ THẾ GIỚI	1
1. Tình hình kinh tế thế giới tháng 7/2022	1
1.1. Tổng quan chung	1
1.2. Các nền kinh tế lớn trên thế giới	2
2. Dự báo tăng trưởng	7
PHẦN II: KINH TẾ VIỆT NAM	9
1. Kinh tế vĩ mô Việt Nam tháng 7/2022	9
1.1. Các chỉ tiêu kinh tế - xã hội	9
1.1.1. Sản xuất công nghiệp	9
1.1.2. Xuất nhập khẩu	9
1.1.3. Tình hình đăng ký doanh nghiệp	10
1.1.4. Hoạt động đầu tư	10
1.1.5. Chỉ số giá tiêu dùng	11
1.2. Thị trường tài chính - tiền tệ	11
1.2.1. Tỷ giá	11
1.2.2. Lạm phát	12
2. Dự báo kinh tế Việt Nam	13
2.1. Về chủ chương, chính sách	13
2.2. Dự báo tăng trưởng kinh tế Việt Nam	13
PHẦN III: THÔNG TIN THỊ TRƯỜNG, DỰ BÁO VÀ KHUYẾN NGHỊ	15
1. Thị trường dầu thô	15
2. Thị trường khí	19
3. Thị trường phân bón	22
4. Thị trường điện	24
5. Khuyến nghị chung cho PVN	26
Phụ lục I: Kinh tế vĩ mô Việt Nam tháng 7 năm 2022	27



PHẦN I

KINH TẾ THẾ GIỚI

1. TÌNH HÌNH KINH TẾ THẾ GIỚI THÁNG 7/2022

Sau 5 tháng kể từ khi Nga phát động chiến dịch quân sự nhằm vào Ukraine, dù chưa biết cuộc chiến này khi nào kết thúc và sẽ kết thúc ra sao, nhưng hệ quả tác động đến toàn cầu thì ngày càng rõ ràng.

Lãi suất liên tiếp được nâng lên, lạm phát tăng và cuộc khủng hoảng năng lượng kéo dài đang dẫn đến lo ngại cho rằng nền kinh tế thế giới đang gần như chắc chắn hướng tới suy thoái. Lĩnh vực sản xuất toàn cầu bắt đầu quý thứ ba trên đà yếu kém, khi sản lượng đình trệ và lượng đơn đặt hàng mới thu hẹp. Dòng chảy thương mại quốc tế tiếp tục chậm lại, trong khi tốc độ tạo việc làm gần như bị đình trệ. Bối cảnh kinh tế ảm đạm cũng ảnh hưởng đến niềm tin kinh doanh, với sự lạc quan giảm xuống mức thấp nhất kể từ tháng 5 năm 2020.

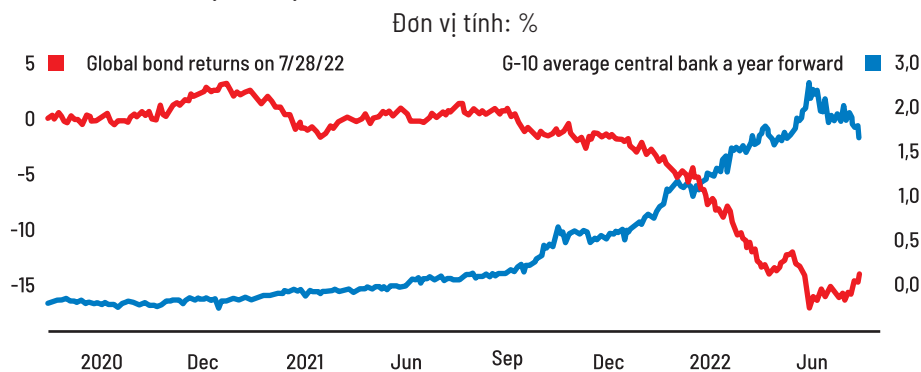
1.1. Tổng quan chung

Tình hình thế giới đang diễn biến nhanh, phức tạp, khó lường, chưa có tiền lệ; lạm phát tăng cao, đồng tiền của nhiều quốc gia mất giá; cạnh tranh chiến lược gay gắt. Việc thay đổi định hướng chính sách ở nhiều nước làm thu hẹp thị trường đã tác động đến các chuỗi cung ứng nhiều lĩnh vực, nhất là xuất, nhập khẩu, giá xăng dầu, giá nguyên liệu đầu vào tăng cao.

Theo JPMorgan, chỉ số PMI sản xuất toàn cầu đã giảm xuống mức thấp nhất trong hai năm là 51,1 vào tháng 7/2022, giảm từ mức 52,2 vào tháng 6/2022

Trên toàn cầu, trái phiếu doanh nghiệp là một trong những khoản đầu tư mang lại lợi nhuận hàng đầu ở thời điểm hiện tại. Một chỉ số theo dõi trái phiếu doanh nghiệp bằng đồng euro đã tăng 4,7% trong tháng 7, thiết lập mức tăng kỷ lục hàng tháng.

LÃI SUẤT KỶ VỌNG BÌNH QUÂN CỦA CÁC NGÂN HÀNG TRUNG ƯƠNG G10 VÀ LỢI NHUẬN TỪ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU TRÊN TOÀN CẦU



Nguồn: Bloomberg

1.2. Các nền kinh tế lớn trên thế giới

▪ Kinh tế Mỹ

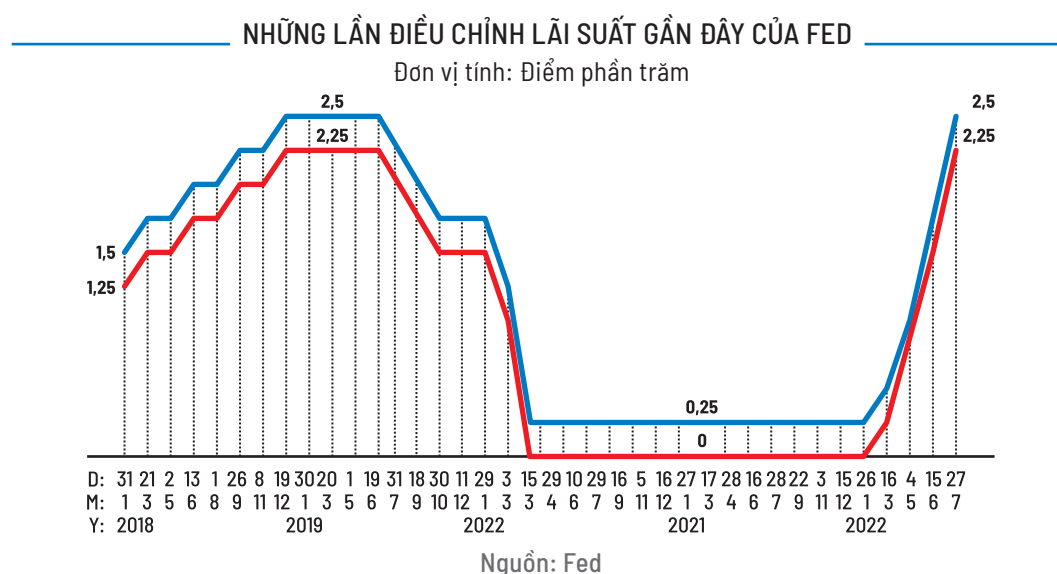
Việc lạm phát tăng trên diện rộng gây ra những rủi ro hệ thống cho cả Mỹ và nền kinh tế toàn cầu.

Chỉ số PMI sản xuất tháng 7 của Mỹ tiếp tục giảm xuống mức thấp nhất trong gần 2 năm, từ 52,4 điểm của tháng 6/2022 còn 52,2 điểm vào tháng 7/2022.

Chính phủ Mỹ đang xem xét cắt giảm thuế quan đối với hàng hóa nhập khẩu từ Trung Quốc để hạ nhiệt lạm phát.

Cảnh báo Mỹ sẽ gặp nhiều thách thức trong việc thoát khỏi suy thoái, ngày 26/7, Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF) đã tiếp tục hạ dự báo tăng trưởng của nền kinh tế đầu tàu thế giới trong năm 2022 từ mức 2,9% đưa ra cuối tháng Sáu xuống còn 2,3%. Kể từ tháng 4, IMF đã 2 lần hạ dự báo tăng trưởng kinh tế Mỹ do nhu cầu giảm ở nền kinh tế lớn nhất thế giới.

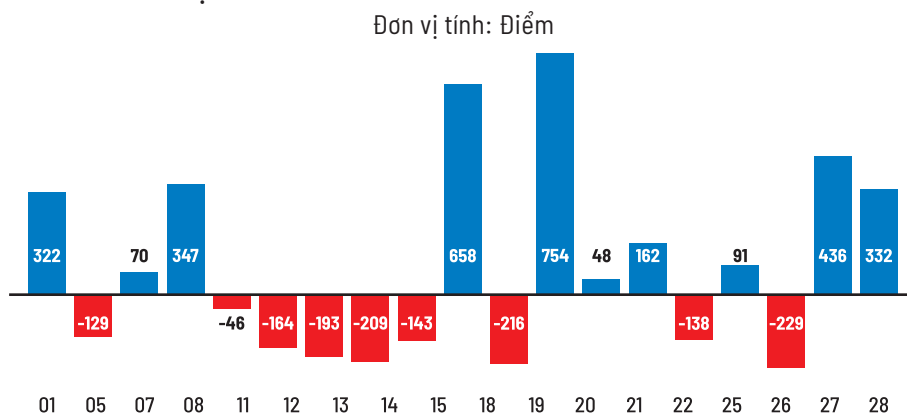
Ngày 27/7, Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (Fed) đã công bố một đợt tăng lãi suất mạnh nữa, đẩy mạnh nỗ lực kéo lạm phát xuống từ mức cao nhất trong 4 thập kỷ. Theo đó, Fed quyết định tăng lãi suất cơ bản thêm 0,75 điểm phần trăm lên phạm vi từ 2,25% đến 2,5%. Đây là một mức tăng đáng kể có khả năng làm chậm nền kinh tế Mỹ.



Dow Jones tăng điểm hai phiên liên tiếp sau khi Fed công bố nâng lãi suất thêm 0,75 điểm phần trăm vào 27/7 và sau khi Chính phủ công bố số liệu GDP quý II giảm 0,98%.

BẢN TIN KINH TẾ VĨ MÔ SỐ THÁNG 8/2022

BIẾN ĐỘNG HÀNG NGÀY CỦA DOW JONES KỂ TỪ ĐẦU THÁNG 7



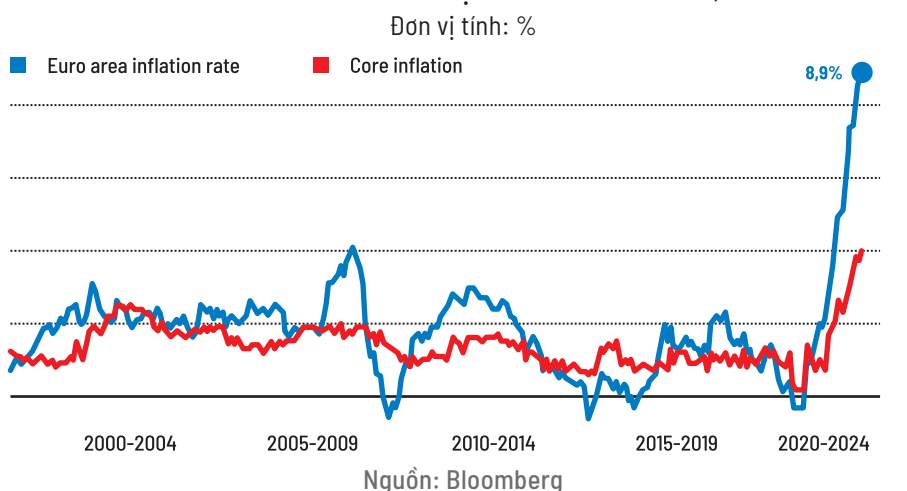
■ Kinh tế khu vực Eurozone

Kinh tế khu vực đồng tiền chung châu Âu (eurozone) bất ngờ tăng tốc trong quý II. Tuy nhiên, triển vọng tăng trưởng của khu vực này phần nào bị ảnh hưởng từ việc Nga tiếp tục cắt giảm nguồn cung khí đốt tới lục địa già.

Chỉ số PMI sản xuất khu vực đồng tiền chung châu Âu đã giảm xuống dưới mốc quan trọng 50,0 trong tháng 7 xuống 49,8 từ 52,1 vào tháng 6/2022, thấp nhất trong vòng 25 tháng qua. PMI thấp dưới ngưỡng 50, đồng nghĩa hoạt động kinh tế bị thu hẹp.

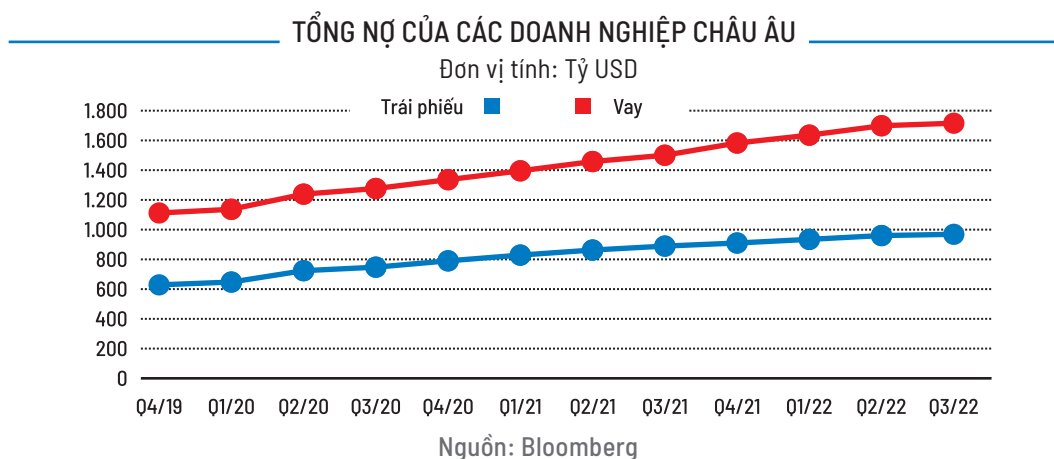
Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 7 của eurozone tăng 8,9% so với cùng kỳ năm 2021, cao hơn mức tăng 8,6% trong tháng trước và dự báo tăng 8,7% của Bloomberg. Đóng góp lớn vào mức tăng CPI kỷ lục là chi phí năng lượng và lương thực.

CPI THÁNG 7 CỦA KHU VỰC EUROZONE TĂNG 8,9%



Chi phí sinh hoạt tăng cao tại các nước châu Âu đang gây thiệt hại cho các doanh nghiệp và người tiêu dùng, vốn mới chỉ bắt đầu trở lại mức chi tiêu và năng lực sản xuất như trước đại dịch. Chỉ số quản trị mua hàng (PMI) đã giảm từ mức 52 trong tháng 6 năm nay xuống 49,4 trong tháng 7. Con số này thấp dưới ngưỡng 50, đồng nghĩa hoạt động kinh tế bị thu hẹp.

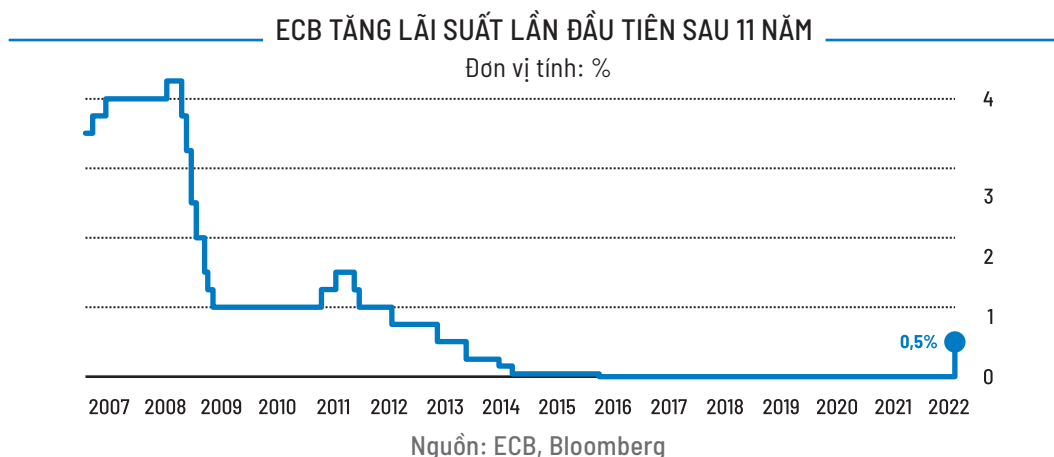
Tổng cộng số nợ của các doanh nghiệp năng lượng châu Âu vốn đã tăng nhanh kể từ sau đại dịch, giờ đây đã chạm đến ngưỡng hơn 1.700 tỷ EUR, cao hơn 50% so với trước 2020.



Ngày càng nhiều chuyên gia kinh tế và tổ chức dự báo eurozone sẽ rơi vào suy thoái trong năm sau. Ngày 14/7, Ủy ban châu Âu (EC) đã hạ dự báo tăng trưởng kinh tế của Khu vực đồng tiền chung châu Âu (Eurozone) trong năm nay và năm tới, đồng thời điều chỉnh dự báo lạm phát do tác động của cuộc khủng hoảng tại Ukraine. Cụ thể, EC dự báo kinh tế Eurozone sẽ tăng trưởng ở mức 2,6% trong năm nay, thấp hơn so với mức 2,7% được đưa ra vào tháng 5. EC dự báo lạm phát của Eurozone sẽ đạt đỉnh ở mức 7,6% trong năm nay, trước khi giảm xuống còn 4% trong năm 2023.

Ngày 26/7, IMF cũng đã giảm dự báo tăng trưởng năm 2022 từ 2,8% đưa ra hồi tháng 4 xuống 2,6% do lạm phát gia tăng bắt nguồn từ cuộc xung đột ở Ukraine.

Lạm phát cao kỷ lục làm gia tăng áp lực đẩy mạnh lộ trình thắt chặt chính sách tiền tệ đối với Ngân hàng trung ương châu Âu (ECB). Theo đó, ngày 21/7, ngân hàng Trung ương châu Âu (ECB) đã quyết định tăng lãi suất lần đầu tiên sau 11 năm. Cụ thể, lãi suất huy động của ECB đã thoát khỏi khu vực âm lần đầu tiên kể từ năm 2014, lên mức 0%. Lãi suất đối với các giao dịch tái cấp vốn tăng lên 0,50% và lãi suất cho vay là 0,75%.



▪ Kinh tế Trung Quốc

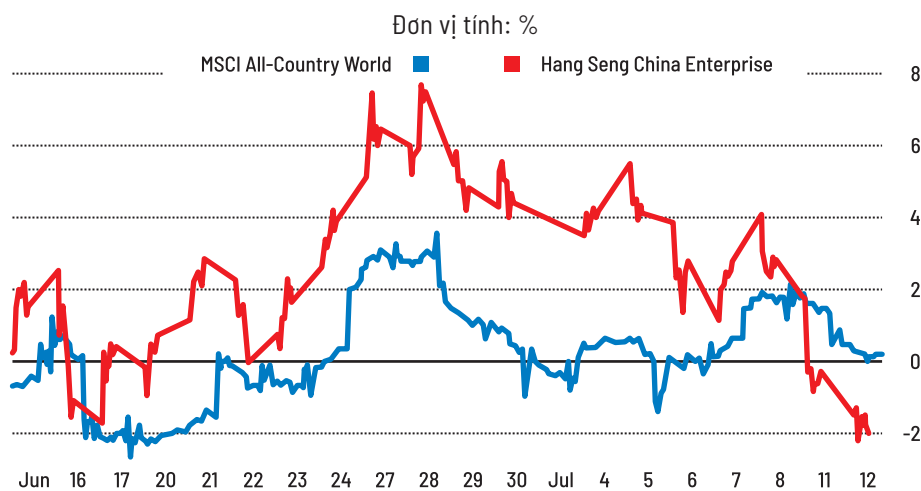
Nền kinh tế Trung Quốc suy giảm mạnh trong quý II, cho thấy các lệnh phong tỏa vì COVID đã gây ra thiệt hại trên diện rộng và áp lực tăng trưởng toàn cầu trong những tháng tới.

Chỉ số PMI lĩnh vực sản xuất của Trung Quốc giảm từ 50,2 điểm trong tháng 6 xuống 49 điểm trong tháng 7/2022, mức thấp nhất trong vòng 3 tháng. Trong khi đó PMI dịch vụ đã tăng 1 điểm lên 55,5 trong tháng Bảy khi tình hình dịch Covid dần được kiểm soát đã thúc đẩy sự phục hồi của ngành dịch vụ.

Đồng Nhân dân tệ của Trung Quốc tiếp tục giảm giá so với USD, với tỷ giá Nhân dân tệ tại thị trường Trung Quốc đại lục giảm xuống mức thấp nhất trong 1 tháng. Căng thẳng tín dụng gia tăng khi tập đoàn địa ốc khổng lồ China Evergrande Group đang đứng trước nguy cơ có vụ vỡ nợ trái phiếu nội địa đầu tiên, và vụ vỡ nợ 1 tỷ USD của một công ty địa ốc khác là Shimao đang đặt ra nguy cơ về ảnh hưởng lan rộng. Chưa kể, giá quặng sắt giảm xuống mức thấp nhất 7 tháng.

Mức định giá cổ phiếu doanh nghiệp Trung Quốc giảm xuống mức thấp không đủ sức thuyết phục nhà đầu tư.

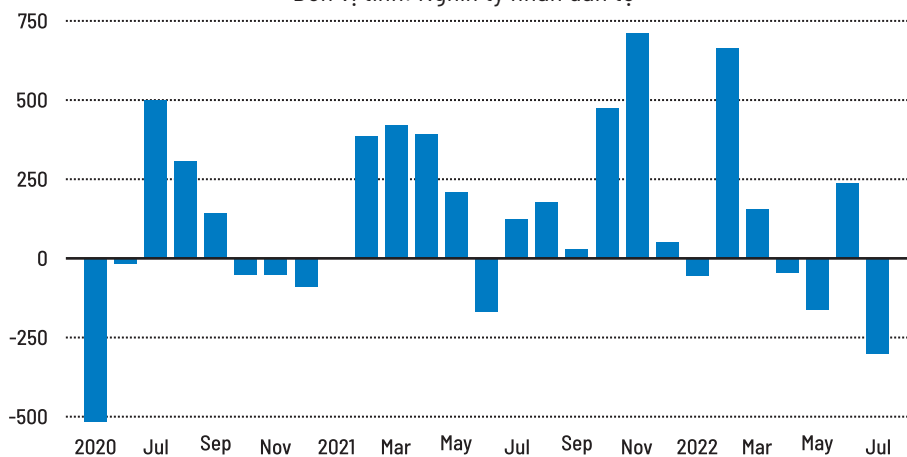
DIỄN BIẾN CHỈ SỐ CHỨNG KHOÁN TRUNG QUỐC
SO VỚI CHỈ SỐ CHỨNG KHOÁN THẾ GIỚI (TỪ NGÀY 13/6 - 13/7)



Các ngân hàng Trung Quốc cũng đang hạn chế huy động thêm vốn vì họ đang ngập tràn tiền mặt mà các doanh nghiệp không vay. Trong tháng 7, tổng giá trị chứng chỉ tiền gửi khả nhượng (NDC) phát hành mới trong nước đang thấp hơn giá trị đáo hạn khoảng 310 tỷ nhân dân tệ. Đây là mức thấp nhất kể từ tháng 5/2020. Điều đó có nghĩa là doanh nghiệp đang tập trung trả nợ thay vì đi vay nợ.

LƯỢNG NCDS MÀ CÁC NGÂN HÀNG TRUNG QUỐC PHÁT HÀNH
GIẢM XUỐNG MỨC THẤP NHẤT KỂ TỪ THÁNG 5/2020

Đơn vị tính: Nghìn tỷ nhân dân tệ



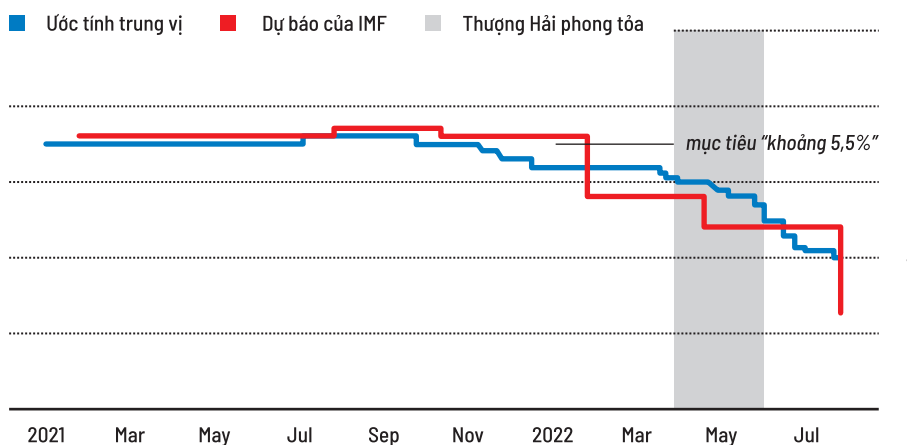
Nguồn: Bloomberg

Chính phủ Trung Quốc vẫn đang đặt cược rằng tăng trưởng kinh tế sẽ khởi sắc trong nửa sau của năm nay, để đưa tăng trưởng cả năm cán đích 5,5% như mục tiêu đề ra. Bắc Kinh đã tăng cường các biện pháp kích cầu bằng chính sách tài khoá, bao gồm thúc đẩy chi tiêu cho hạ tầng và cắt giảm thuế cho doanh nghiệp. Tuy nhiên, việc đạt mục tiêu tăng trưởng sẽ không dễ, bởi Trung Quốc lại đang thắt chặt các hạn chế chống Covid nhằm dập tắt bất kỳ đợt dịch bùng phát nào.

Nhận định dịch COVID-19 bùng phát dẫn tới nhiều thành phố lớn ở Trung Quốc áp đặt phong tỏa, khiến hoạt động sản xuất và làm tình trạng gián đoạn chuỗi cung ứng thế giới trở nên trầm trọng hơn. Ngày 26/7, IMF đã giảm dự báo tăng trưởng GDP năm 2022 của Trung Quốc xuống 3,3% từ mức 4,4% đưa ra hồi tháng 4.

CÁC NHÀ KINH TẾ ĐÃ HẠ DỰ BÁO TĂNG TRƯỞNG NĂM 2022 CỦA TRUNG QUỐC

Đơn vị tính: %



Nguồn: Bloomberg

2. DỰ BÁO TĂNG TRƯỞNG

Trong báo cáo triển vọng kinh tế toàn cầu, WB đã điều chỉnh giảm dự báo tăng trưởng toàn cầu năm nay từ mức 4,1% xuống còn 2,9%.

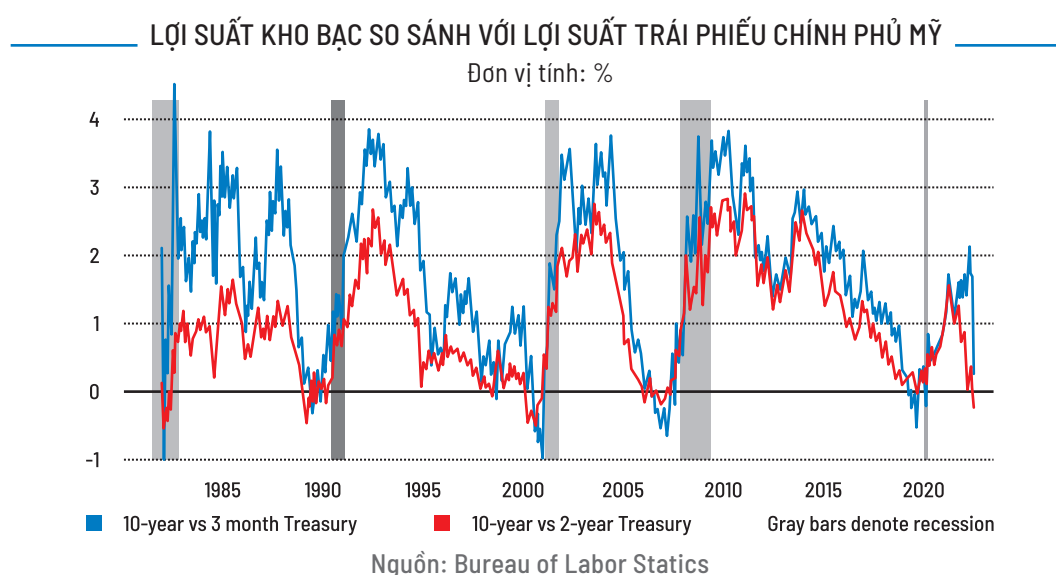
Ngày 26/7, trong báo cáo cập nhật “Triển vọng kinh tế thế giới”, IMF đã hạ dự báo tăng trưởng GDP toàn cầu năm 2022 xuống 3,2%, so với mức dự báo 3,6% mà Tổ chức này đã đưa ra hồi tháng 4. Về tăng trưởng của năm 2023, IMF cũng hạ dự báo GDP năm 2023 giảm từ mức 3,6% đưa ra hồi tháng 4 xuống còn 2,9% do tác động của chính sách tiền tệ bị thắt chặt.

Về lạm phát, IMF dự báo tỷ lệ lạm phát trong năm 2022 ở các nền kinh tế phát triển sẽ lên tới 6,6%, tăng so với mức dự đoán 5,7% đưa ra hồi tháng 4. Trong khi đó, tỷ lệ lạm phát ở các nền kinh tế phát triển sẽ tiếp tục tăng trong một thời gian dài hơn so với dự đoán trước đây.

Theo IMF, một số chỉ báo có thể coi là dấu hiệu suy thoái kinh tế bao gồm:

▪ Đường cong lợi suất đảo ngược

Đường cong lợi suất ngược là nơi các nhà đầu tư trả nhiều tiền hơn cho trái phiếu ngắn hạn hơn là dài hạn, cho thấy họ không tin tưởng vào các điều kiện tài chính dài hạn. Về mặt lịch sử, đường cong lợi suất đã từng đảo ngược trước mỗi lần trong số năm cuộc suy thoái gần đây nhất của Mỹ. Phần đường cong lợi suất của Kho bạc Mỹ so sánh lợi suất trái phiếu chính phủ kỳ hạn 2 năm với lợi suất trái phiếu chính phủ kỳ hạn 10 năm đã bị đảo ngược trong hầu hết tháng qua và là mức âm nhất kể từ năm 2000 dựa trên giá cơ sở.



▪ *Khủng hoảng năng lượng, hệ lụy từ cuộc chiến Nga – Ukraina*

Giá khí đốt của châu Âu đã tăng 180% kể từ đầu năm nay do cuộc xung đột Nga - Ukraina. Nghiên cứu của IMF cho thấy, 3 quốc gia ở Trung và Đông Âu là Hungary, Cộng hòa Slovakia và Cộng hòa Séc bị ảnh hưởng nặng nề nhất, có nguy cơ thiếu hụt tới 40% lượng khí đốt tiêu thụ và tổng sản phẩm quốc nội bị thu hẹp lên đến 6%. IMF cảnh báo rằng, tăng trưởng kinh tế toàn cầu có thể chậm lại ở mức 2% vào năm 2023, một mức tương đương với suy thoái do sự gia tăng dân số và nhu cầu tại các nước nghèo.

▪ *Chỉ số nhà quản lý nhà mua hàng (PMI)*

PMI là số liệu dự báo đáng tin cậy về hoạt động sản xuất, dịch vụ, hàng tồn kho, đơn đặt hàng, và do đó cũng là chỉ báo về triển vọng tăng trưởng kinh tế. Vì vậy, sự sụt giảm bất ngờ PMI của Mỹ và Eurozone trong tháng 7/2022 đã làm dấy lên sự lo ngại của các nhà đầu tư về sự an toàn của trái phiếu. Trong các số liệu PMI toàn cầu, hàng tồn kho cao hơn thường báo hiệu tốc độ tăng trưởng chậm hơn, đặc biệt nếu đi kèm với sự sụt giảm số đơn đặt hàng mới.

▪ *Giá của kim loại đồng*

Đồng được coi là một chỉ số hàng đầu về sức khỏe kinh tế vì kim loại này được sử dụng trong nhiều lĩnh vực. Giá đồng đã chứng kiến mức giảm giá 22% kể từ đầu năm nay, cho thấy các nhà đầu tư đang dự đoán tiêu cực về triển vọng nền kinh tế. Hiện tại, giá kim loại đang giảm mặc dù có rất ít dấu hiệu cho thấy nhu cầu giảm mạnh hoặc nguồn cung đang tăng lên.

▪ *Chỉ số lòng tin*

Chỉ số biến động kinh tế của tập đoàn tài chính Citi Group, dùng để đo lường mức độ chính xác các số liệu kinh tế so với dự báo, đang giảm mạnh tại châu Âu và Mỹ. Trong đó, chỉ số niềm tin của người tiêu dùng đặc biệt đáng chú ý, lòng tin của người tiêu dùng có xu hướng giảm, phản ánh ở sức mua ngày càng yếu. Đây cũng là chỉ báo về nguy cơ suy thoái kinh tế.

Quá trình phục hồi kinh tế của Việt Nam đã cho thấy những tín hiệu lan tỏa, các chỉ số kinh tế vĩ mô tiếp tục phục hồi trong tháng Bảy. Sự phục hồi có thể sẽ diễn ra mạnh mẽ trong nửa cuối năm, nhất là khi Việt Nam đã mở cửa du lịch trở lại sau 2 năm đóng cửa. Tuy nhiên, giá dầu thế giới gia tăng cũng có thể gây ra những tác động tiêu cực cho nền kinh tế.



PHẦN II

KINH TẾ VIỆT NAM

1. KINH TẾ VĨ MÔ VIỆT NAM THÁNG 7/2022

1.1. Các chỉ tiêu kinh tế - xã hội

1.1.1. Sản xuất công nghiệp

Chỉ số sản xuất toàn ngành công nghiệp (IIP) tháng 7/2022 ước tăng 1,6% so với tháng trước và tăng 11,2% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó ngành chế biến, chế tạo tăng 12,8%. Tính chung 7 tháng năm 2022, IIP ước tăng 8,8% so với cùng kỳ năm trước (cùng kỳ năm 2021 tăng 7,6%). Trong đó, ngành chế biến, chế tạo tăng 9,7% (cùng kỳ năm 2021 tăng 9,7%).

1.1.2. Xuất nhập khẩu

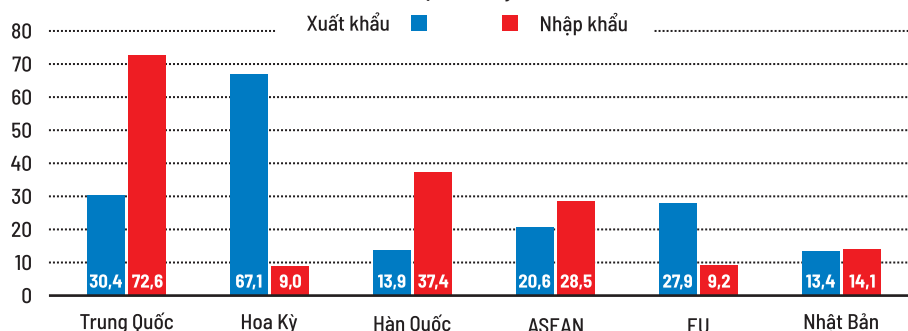
Tính chung 7 tháng đầu năm 2022, tổng kim ngạch xuất nhập khẩu hàng hóa của Việt Nam đạt 432,94 tỷ USD, tăng 14,6% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó xuất khẩu tăng 16,1%, nhập khẩu tăng 13,6%. Cán cân thương mại ước tính xuất siêu 764 triệu USD.

Cụ thể, kim ngạch xuất khẩu hàng hóa ước đạt 216,35 tỷ USD. Trong đó, kim ngạch xuất khẩu của doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài (FDI) đạt 159,36 tỷ USD, chiếm 73,7% tổng kim ngạch; khu vực trong nước đạt 56,99 tỷ USD.

Ở chiều ngược lại, kim ngạch nhập khẩu hàng hóa của cả nước trong 7 tháng đạt 215,59 tỷ USD, tăng 13,6% so với cùng kỳ. Trong đó, khu vực FDI đạt 139,53 tỷ USD; khu vực trong nước đạt 76,06 tỷ USD.

THỊ TRƯỜNG XUẤT, NHẬP KHẨU HÀNG HOÁ LỚN CỦA VIỆT NAM TRONG 7 THÁNG NĂM 2022

Đơn vị tính: Tỷ USD



Nguồn: Tổng cục Thống kê

BẢN TIN KINH TẾ VĨ MÔ SỐ THÁNG 8/2022

1.1.3. Tình hình đăng ký doanh nghiệp

Số doanh nghiệp thành lập mới trong 7 tháng đầu năm 2022 là 89.407 doanh nghiệp, cũng là mức cao nhất trong giai đoạn 7 tháng đầu năm từ trước đến nay, tăng 17,9% so với cùng kỳ năm 2021.

Trong đó, doanh nghiệp thành lập mới chủ yếu vẫn thuộc nhóm ngành dịch vụ với 65.700 doanh nghiệp, chiếm 73,5% tổng số doanh nghiệp thành lập mới, tăng 21,7% so với cùng kỳ năm ngoái. Nhóm ngành công nghiệp và xây dựng có 22.468 doanh nghiệp gia nhập thị trường, chiếm 25,1% tổng số doanh nghiệp thành lập mới, tăng 9,3% so với cùng kỳ năm 2021.

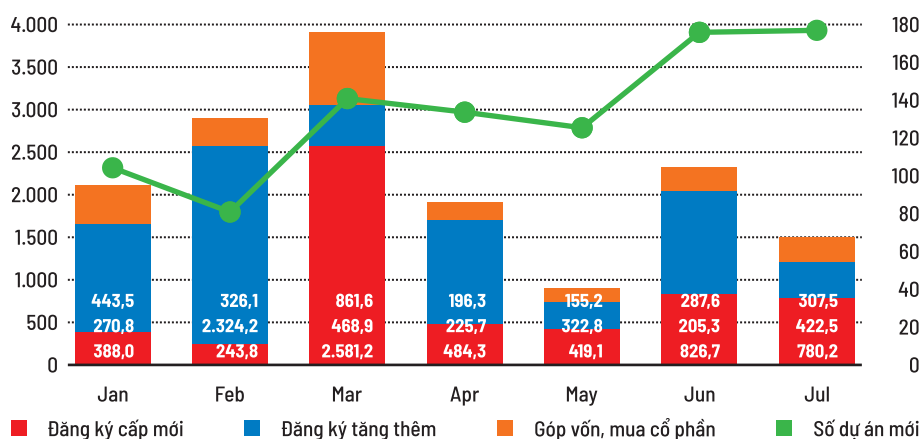
Tổng số vốn doanh nghiệp đăng ký bổ sung vào nền kinh tế trong 7 tháng đầu năm 2022 là 3.335.810 tỷ đồng (tăng 37,2% so với cùng kỳ năm 2021).

1.1.4. Hoạt động đầu tư

7 tháng đầu năm 2022, vốn đầu tư thực hiện của các dự án đầu tư nước ngoài (ĐTNN) đạt mức tăng cao nhất từ đầu năm - tăng 10,2% so với cùng kỳ năm 2021 và tăng hơn 1,3 điểm phần trăm so với 6 tháng, với con số đạt được là 11,57 tỷ USD.

Tính đến 20/7/2022, tổng vốn đăng ký cấp mới, điều chỉnh và góp vốn mua cổ phần (GVMCP) của nhà ĐTNN đạt trên 15,54 tỷ USD, bằng 92,9% so với cùng kỳ năm 2021. Tuy vốn đầu tư đăng ký mới tiếp tục giảm, nhưng cả vốn đầu tư điều chỉnh và GVMCP đều tăng mạnh so với cùng kỳ.

CƠ CẤU ĐTNN 7 THÁNG ĐẦU NĂM 2022 THEO THÀNH PHẦN VỐN ĐẦU TƯ



Nguồn: Tổng cục Thống kê

Vốn đầu tư đăng ký mới 7 tháng đầu năm 2022 giảm mạnh do trong 7 tháng đầu năm 2021 có nhiều dự án quy mô vốn lớn trên 100 triệu USD. Riêng các dự án này đã chiếm tới 62,6% tổng vốn đăng ký mới của 7 tháng năm 2021; đặc biệt trong đó có dự án Nhà máy điện LNG Long An I và II có vốn đầu tư trên 3,1 tỷ USD và dự án Nhiệt điện Ô Môn II có vốn đầu tư trên 1,3 tỷ USD. Trong khi đó, 7 tháng đầu năm 2022, chỉ có một số ít dự án đầu tư mới có quy mô vốn trên 100 triệu USD và chỉ chiếm 40,2% tổng vốn đầu tư.

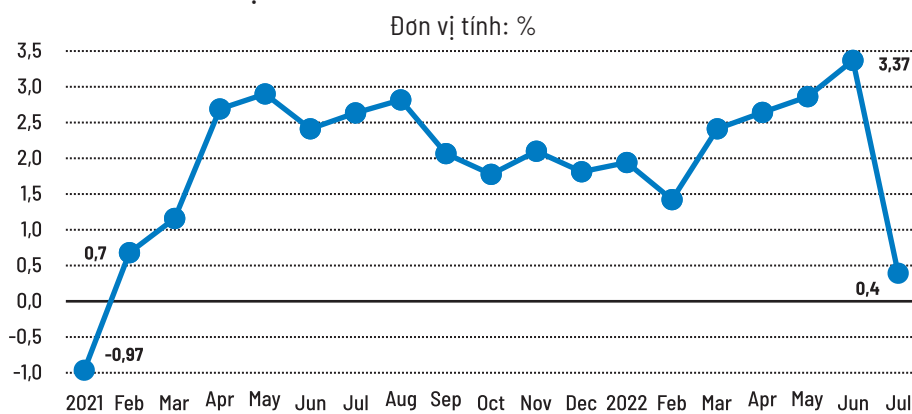
BẢN TIN KINH TẾ VĨ MÔ SỐ THÁNG 8/2022

Xét về đối tác, có 88 quốc gia và vùng lãnh thổ có đầu tư tại Việt Nam trong 7 tháng đầu năm 2022. Trong đó, Singapore dẫn đầu với tổng vốn đầu tư trên 4,3 tỷ USD, chiếm 27,7% tổng vốn đầu tư vào Việt Nam, giảm 27,3% so với cùng kỳ 2021. Hàn Quốc đứng thứ hai với hơn 3,26 tỷ USD, chiếm gần 21% tổng vốn đầu tư, tăng 48,2% so với cùng kỳ. Trong khi đó, với dự án Lego có tổng vốn đầu tư trên 1,3 tỷ USD, Đan Mạch tiếp tục đứng thứ 3 với tổng vốn đầu tư đăng ký trên 1,32 tỷ USD, chiếm 8,55% tổng vốn đầu tư.

1.1.5. Chỉ số giá tiêu dùng

So với tháng trước, CPI tháng 7 tăng 0,4% (khu vực thành thị tăng 0,42%; khu vực nông thôn tăng 0,37%). Trong 11 nhóm hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng chính, có 10 nhóm hàng tăng giá so với tháng trước; riêng nhóm giao thông giá giảm 2,85% do giá xăng dầu trong nước giảm. Bình quân 7 tháng năm 2022, CPI tăng 2,54% so với cùng kỳ năm trước.

TỐC ĐỘ TĂNG/GIẢM CPI SO VỚI THÁNG LIỀN TRƯỚC



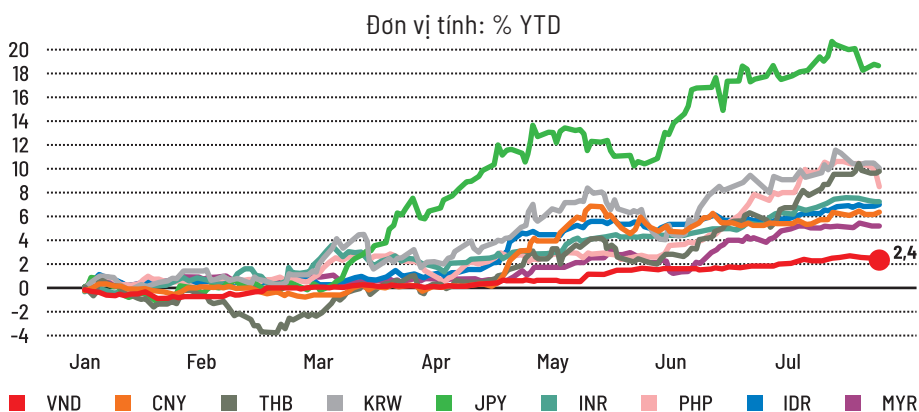
Nguồn: Tổng cục Thống kê

1.2. Thị trường tài chính - tiền tệ

1.2.1. Tỷ giá

Sự bất ổn của thị trường tài chính gia tăng do Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (Fed) thắt chặt chính sách tiền tệ sớm hơn dự kiến và lo ngại về lạm phát do chiến tranh Ukraine, dẫn đến sự điều chỉnh của thị trường chứng khoán và tăng tỷ giá hối đoái.

VND MẤT GIÁ ÍT HƠN CÁC ĐỒNG TIỀN KHÁC



Nguồn: Bloomberg

BẢN TIN KINH TẾ VĨ MÔ SỐ THÁNG 8/2022

Dự báo tỷ giá USD/VND sẽ tăng trong năm 2022, do những lo ngại lạm phát gây nên bởi các chính sách thắt chặt tiền tệ sớm hơn dự kiến của Fed và giá nguyên liệu thô tăng. Tuy nhiên sẽ giảm dần vào cuối năm và duy trì quanh mức 23,000 đồng/USD nhờ các chính sách kích thích kinh tế, kích cầu trong nước, sự phục hồi của ngành du lịch và dòng vốn đầu tư nước ngoài chảy vào.

TỶ GIÁ USD/ VND QUÝ IV/2022 DO CÁC NGÂN HÀNG DỰ BÁO

SHB	Tr.bình năm	Q1/2022	Q2/2022 (E)	Q3/2022 (E)	Q4/2022 (E)
S&T Center	23.005	22.781	23.070	23.200	22.970
CÁC TỔ CHỨC TÍN DỤNG KHÁC					
Trung bình		-	23.000	22.975	22.825
Cao		-	23.300	23.400	23.350
Thấp		-	22.800	22.700	22.500
Standard Chartered (6/6)		-	23.000	22.700	22.500
Mizuho Bank (1/6)		-	23.300	22.950	22.700
Australia & NZ Banking (31/5)		-	23.000	23.000	22.950
Credit Agricole CIB (19/5)		-	23.200	23.400	23.000
United Overseas Bank (31/5)		-	23.000	23.300	23.350
MUFG (5/5)		-	22.800	22.700	22.600

Nguồn: Shinhan Bank Vietnam

1.2.2. Lạm phát

Trong tháng 7/2022, lạm phát cơ bản tăng 0,58% so với tháng trước, tăng 2,63% so với cùng kỳ năm trước. Bình quân 7 tháng năm 2022, lạm phát cơ bản tăng 1,44% so với cùng kỳ năm 2021, thấp hơn mức CPI bình quân chung (tăng 2,54%), điều này phản ánh biến động giá tiêu dùng chủ yếu do giá lương thực và giá xăng dầu.

2. DỰ BÁO KINH TẾ VIỆT NAM

2.1. Về chủ chương, chính sách

▪ *Nghị quyết số 20/2022/UBTVQH15*

Nghị quyết số 20/2022/UBTVQH15 về việc giảm thuế bảo vệ môi trường đối với xăng, dầu, mỡ nhờn đã hỗ trợ tích cực cho người dân, cho sản xuất kinh doanh, thúc đẩy phục hồi kinh tế; cũng góp phần kiềm chế được lạm phát. Như vậy việc giảm giá xăng dầu sẽ đạt được đa mục tiêu, một mũi tên trúng được nhiều đích.

Giảm thuế xăng dầu sẽ ảnh hưởng đến nguồn thu ngân sách, nhưng về trung hạn và dài hạn hoạt động sản xuất kinh doanh không bị đổ vỡ, trì trệ khi đó nguồn thu từ sản xuất kinh doanh mới cao.

▪ *Thông tư số 36/2022/TT-BTC*

Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 36/2022/TT-BTC (sửa đổi, bổ sung Thông tư số 199/2016/TT-BTC quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý lệ phí cấp giấy chứng nhận bảo đảm chất lượng, an toàn kỹ thuật đối với máy móc, thiết bị, phương tiện giao thông vận tải có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn) về việc giảm lệ phí cấp giấy chứng nhận đăng kiểm xe ô tô.

Theo đó, từ ngày 1/8/2022, mức thu lệ phí cấp giấy chứng nhận đối với xe ô tô sẽ giảm từ 50.000 đồng/giấy xuống còn 40.000 đồng/giấy; lệ phí đối với xe ô tô dưới 10 chỗ ngồi giảm từ 100.000 đồng/giấy xuống còn 90.000 đồng/giấy. Đó là những chính sách có tác dụng tích cực với các doanh nghiệp kinh doanh vận tải.

2.2. Dự báo tăng trưởng kinh tế Việt Nam

Nhiều chuyên gia cho rằng tăng trưởng GDP quý 3/2022 của Việt Nam sẽ cao hơn cùng kỳ năm trước do mức nền năm trước thấp và sự phục hồi từ các ngành dịch vụ, tiêu dùng và sản xuất.

Theo đánh giá của các *chuyên gia kinh tế thuộc Văn phòng Nghiên cứu Kinh tế Vĩ Mô ASEAN+3 (AMRO)* cập nhật về triển vọng kinh tế khu vực, Việt Nam sẽ tăng trưởng **6,3% trong năm nay** và tỷ lệ lạm phát duy trì ở mức 3,5%.

Ngày 27/7, Ngân hàng Standard Chartered dự báo tăng trưởng GDP của Việt Nam sẽ đạt 10,8% trong quý III/2022 và 3,9% trong quý IV/2022, đưa tăng trưởng GDP cả năm đạt 6,7%.

Standard Chartered cũng chỉ ra 3 yếu tố có thể ảnh hưởng tiêu cực đến triển vọng kinh tế Việt Nam, bao gồm:

- *Sự xuất hiện và lây lan của các chủng COVID mới.*
- *Việc Mỹ giảm thuế đối với hàng hóa nhập khẩu từ Trung Quốc.*
- *Sự suy thoái kinh tế toàn cầu xảy ra.*

Việc Chính phủ Mỹ đang xem xét cắt giảm thuế quan đối với hàng hóa nhập khẩu từ Trung Quốc để hạ nhiệt lạm phát, điều này có thể làm chậm sự dịch chuyển của dòng vốn đầu tư từ Trung Quốc sang Việt Nam, làm suy giảm vốn FDI vào Việt Nam, thậm chí có thể khiến dòng vốn đầu tư chảy ra khỏi Việt Nam. Trong khi đó, nếu suy thoái toàn cầu diễn ra sẽ ảnh hưởng nặng nề lên các nhà xuất khẩu; kim ngạch xuất khẩu hàng hóa và dịch vụ của Việt Nam tương đương hơn 100% GDP.

Tương tự, nhận định tăng trưởng của Việt Nam tiếp tục được thúc đẩy nhờ việc mở rộng các hoạt động thương mại, sự phục hồi nhanh hơn và mạnh hơn dự kiến của lĩnh vực sản xuất chế tạo và tình hình đi lại trong nước cũng đã được thúc đẩy, trong ấn bản Bổ sung Triển vọng Phát triển Châu Á (ADO) 2022 công bố ngày hôm nay (21/7), *ngân hàng Phát triển Châu Á (ADB) đã giữ nguyên dự báo tăng trưởng cho Việt Nam ở mức 6,5% trong năm 2022 và 6,7% trong năm 2023*, như được công bố trong ADO tháng 4/2022.



THÔNG TIN THỊ TRƯỜNG, DỰ BÁO VÀ KHUYẾN NGHỊ



1. THỊ TRƯỜNG DẦU THÔ

1.1. Thông tin trong kỳ

1.1.1. Thị trường thế giới/khu vực

▪ Nguồn cung

Thế giới đang vất vả tìm kiếm nguồn cung cho cuộc khủng hoảng dầu mỏ. Vốn chiếm 40% sản lượng khai thác dầu mỏ thế giới, tổ chức OPEC đang vất vả để theo kịp sản lượng mục tiêu. Cơ sở hạ tầng khai thác yếu kém do nhiều năm không được đầu tư nâng cấp cùng những xung đột về chính trị đã kìm hãm đà tăng sản lượng của các thành viên OPEC.

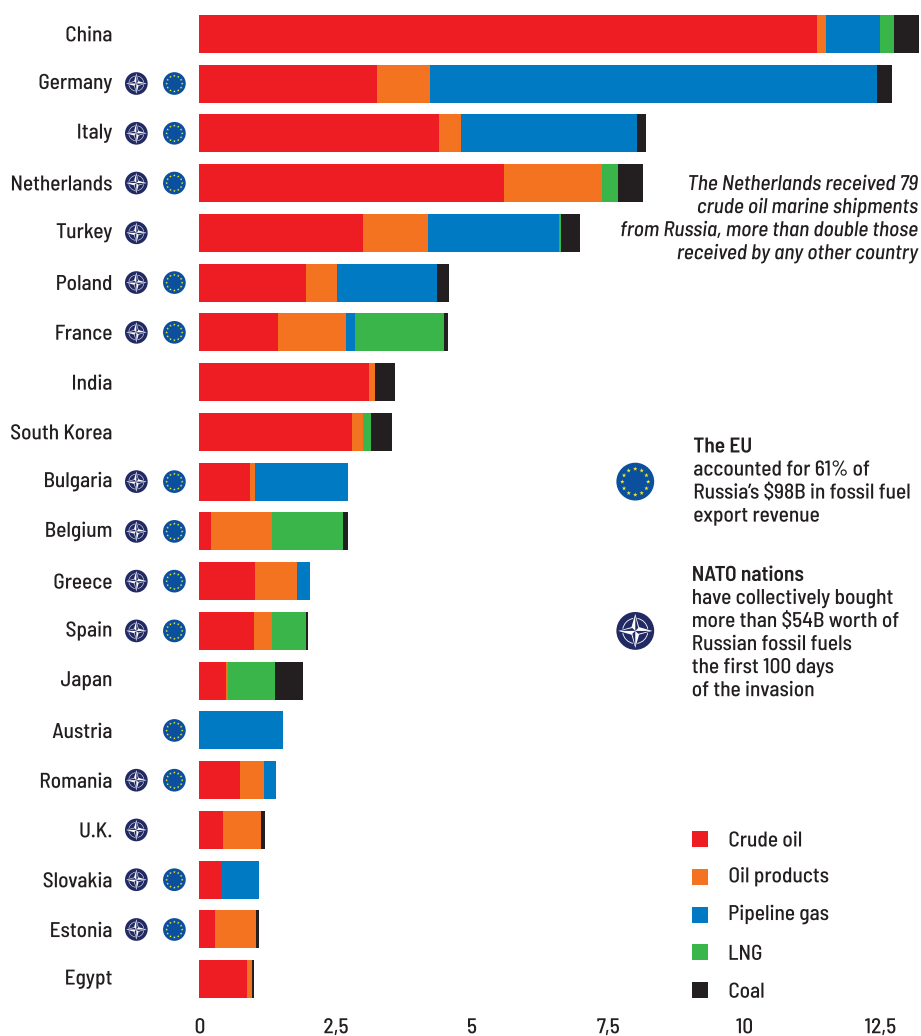
Bất chấp các lệnh trừng phạt Nga và lệnh cấm nhập khẩu, Nga đã xuất khẩu nhiên liệu hóa thạch trị giá 97,7 tỷ USD trong 100 ngày đầu tiên kể từ khi bắt đầu chiến dịch quân sự ở Ukraina, trung bình 977 triệu USD mỗi ngày.

Các nhà nhập khẩu nhiên liệu hóa thạch lớn nhất của Nga từ ngày 24/2 đến 4/6 theo thứ tự là: Trung Quốc, Đức, Italia, Hà Lan, Thổ Nhĩ Kỳ, Ba Lan, Pháp, Ấn Độ, Hàn Quốc, Bulgaria, Bỉ, Hy Lạp, Tây Ban Nha, Nhật Bản, Áo, Romania, Anh, Slovakia, Estonia, Ai Cập.

CÁC NƯỚC NHẬP KHẨU NHIÊN LIỆU HÓA THẠCH LỚN NHẤT CỦA NGA

(Từ ngày 24/2 đến 4/6)

Đơn vị tính: Tỷ USD



Nguồn: CREA

▪ **Tiêu thụ**

Do lo ngại về nền kinh tế toàn cầu giảm tốc, cùng với sự không chắc chắn trong quyết định gia tăng sản lượng thực tế của OPEC+ cũng như tốc độ sản xuất của các công ty dầu đá phiến tại Mỹ. Trong báo cáo tháng 7, Cơ quan Quản lý Thông tin Năng lượng Mỹ (EIA) đã bắt đầu điều chỉnh giảm nhu cầu tiêu thụ dầu thế giới trong năm 2022 từ 99,63 triệu thùng/ngày xuống 99,58 triệu thùng/ngày.

Ngược lại, trong báo cáo ngày 12/7, OPEC vẫn tỏ ra rất lạc quan về nhu cầu dầu trong năm nay khi giữ nguyên dự báo tiêu thụ dầu trong năm 2022 ở mức 100.29 triệu thùng/ngày, và con số sẽ tăng lên mức kỷ lục 102,99 triệu thùng/ngày vào năm sau.

▪ **Biến động giá**

Những tuần qua, giá dầu thô thế giới hạ nhiệt do hàng loạt các yếu tố tiêu cực như:

- *Lo ngại suy thoái, nhu cầu hạ nhiệt vì giá cao và nguy cơ Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (FED) mạnh tay nâng lãi suất.*
- *GDP thế giới tăng trưởng chậm lại, nguy cơ cao rơi vào chu kỳ suy thoái;*
- *Đồng USD lên giá;*
- *IEA hạ dự báo nhu cầu tiêu thụ dầu thô thế giới năm 2022 xuống 99,2 triệu bpd;*
- *Chính quyền Mỹ tiếp tục bán 50 triệu thùng từ nguồn dự trữ chiến lược (SPR); Tồn kho dầu thô thương mại Mỹ bất ngờ tăng 3,25 triệu thùng/tuần;*
- *Cuối cùng, nguy cơ tái bùng phát Covid-19 ngày càng hiện rõ, WHO chính thức kêu gọi các chính phủ yêu cầu người dân đeo khẩu trang trở lại. Thị trường lo ngại Trung Quốc sẽ sớm thắt chặt các biện pháp hạn chế xã hội phòng chống dịch.*

1.1.2. Thị trường trong nước

Trong 7 tháng năm nay, giá xăng dầu được điều chỉnh 19 đợt; trong đó, có 6 đợt giảm giá, làm cho giá xăng A95 tăng 2.780 đồng/lít; xăng E5 tăng 2.520 đồng/lít và dầu diezen tăng 7.280 đồng/lít. Bình quân 7 tháng, giá xăng dầu trong nước tăng 49,75% so với cùng kỳ năm trước.

Hiện các mỏ dầu khí lớn của Việt Nam đang suy giảm sản lượng tự nhiên từ 5 - 8%/năm do hầu hết các mỏ đã khai thác quá lâu. Đây thực sự là một thách thức lớn trong mục tiêu gia tăng sản lượng khai thác, bởi việc đầu tư phát triển mỏ mới gặp nhiều vướng mắc, các mỏ mới đưa vào khai thác chủ yếu là mỏ nhỏ, cận biên...

1.2. Dự báo

1.2.1. Thị trường thế giới/khu vực

EIA đã điều chỉnh giảm dự báo giá Brent xuống còn 104 USD/thùng trong năm 2022 và xuống 94 USD/thùng trong năm 2023.

Trái với quan điểm của EIA, hãng JP Morgan Chase cảnh báo cuộc xung đột Ukraine và sự thiếu vắng dầu Nga sẽ khiến giá dầu bật tăng lên 380 USD/thùng nếu thế giới không tìm ra được giải pháp. Dù một số nước như Trung Quốc và Ấn Độ đã chấp nhận mua dầu Nga nhưng sản lượng khai thác tại đây vẫn giảm hơn 1 triệu thùng/ngày.

1.2.2. Thị trường trong nước

Thị trường xăng dầu thời gian tới còn biến động rất phức tạp và có nhiều thông tin tác động trực tiếp đến nguồn cung, giá cả như chiến sự Nga - Ukraine, thông tin châu Âu cắt giảm khí đốt, các phân tích liên quan đến áp giá trần của Nga.

Dù thị trường thế giới tiềm ẩn nhiều vấn đề khó đoán, song về cơ bản, nguồn cung sẽ ổn do đến giai đoạn này, Nhà máy lọc dầu Dung Quất vẫn hoạt động với 110% công suất, tính ổn định cao. Nhà máy Nghi Sơn cũng dần chuyển sang trạng thái hoạt động tương đối ổn. Đây là cơ hội để các nhà máy đạt được kết quả tốt khi chi phí lọc dầu đang cao, góp phần giúp chủ động ổn định nguồn.

Ngoài Petrolimex, các doanh nghiệp khác cũng đang tích cực tìm những nhà cung cấp quốc tế để đa dạng hóa nguồn hàng cho mọi tình huống xảy ra. Cho nên việc đảm bảo nguồn từ nay đến cuối năm vẫn nằm trong tầm kiểm soát.

1.3. Khuyến nghị

- *PVN cần tiếp tục đẩy mạnh tìm kiếm, thăm dò, khai thác để gia tăng trữ lượng và sản lượng khai thác để đảm bảo phát thải đỉnh nhằm đáp ứng mục tiêu giảm phát thải theo cam kết COP26.*
- *Tiếp tục tập trung vào các nhóm giải pháp như xây dựng và thường xuyên cập nhật các kịch bản sản xuất, kinh doanh theo giá dầu làm cơ sở điều hành sản xuất, kinh doanh linh hoạt, kịp thời và hạn chế ảnh hưởng bất lợi của thị trường.*
- *Tăng cường giải pháp và linh hoạt trong thương mại dầu thô, sản phẩm, hóa phẩm xúc tác. Triển khai nhanh các cơ hội đầu tư để nâng cao hiệu quả, độ linh động và an toàn vận hành.*
- *Thường xuyên cập nhật tình hình thị trường lãi suất, lạm phát để lập kế hoạch dòng tiền, cơ cấu các khoản tiền gửi/tiền vay, nhằm đảm bảo dòng tiền cho sản xuất, kinh doanh và tối ưu hoá hiệu quả tài chính cho doanh nghiệp trong mọi tình huống.*

2. THỊ TRƯỜNG KHÍ

2.1. Thông tin trong kỳ

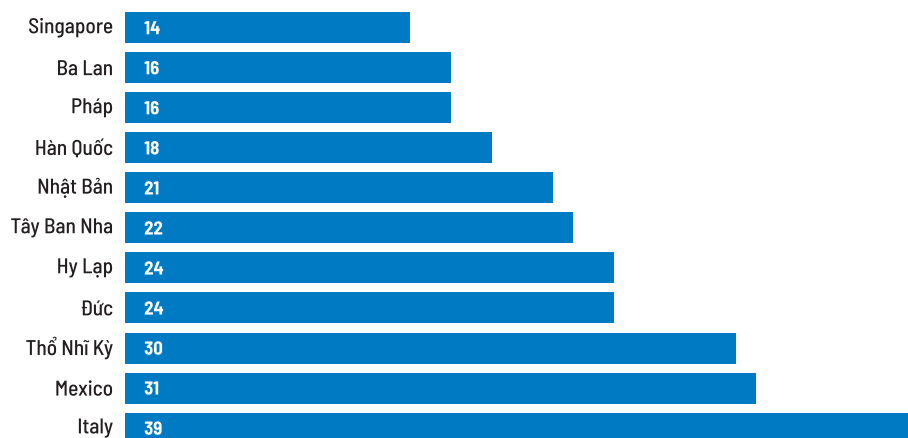
2.1.1. Thị trường thế giới/khu vực

Tình trạng thiếu nhiên liệu đang diễn ra tràn lan trên khắp hành tinh, đe dọa gây ra suy thoái kinh tế và một làn sóng lạm phát khác.

Ngày 21/7, sau 10 ngày bảo trì, đường ống Nord Stream 1 đã nối lại hoạt động để tiếp tục cung cấp khí đốt từ Nga sang Đức, nhưng công suất giảm xuống chỉ còn 40%.

TỶ TRỌNG KHÍ ĐỐT NHẬP KHẨU TRONG TỔNG TIÊU THỤ NĂNG LƯỢNG

Đơn vị tính: %



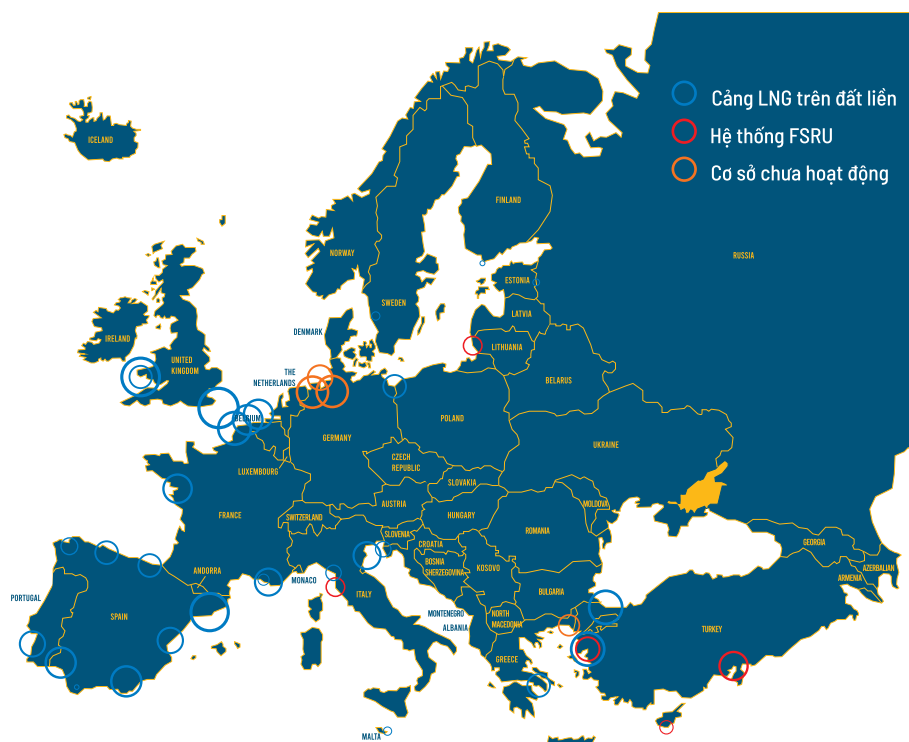
Nguồn: Bloomberg

Nhu cầu gia tăng của châu Âu đối với khí đốt của Mỹ đang định hình lại thị trường LNG toàn cầu với các lô hàng LNG, vốn dành cho châu Á và các khu vực khác, đang được chuyển hướng đến châu Âu để bán với giá cao hơn.

Châu Âu đang gấp rút xây dựng các cảng tiếp nhận LNG. Hệ thống FSRU là các cảng tiếp nhận LNG nổi.

CẢNG LNG TẠI CHÂU ÂU

(Tính đến 2022)

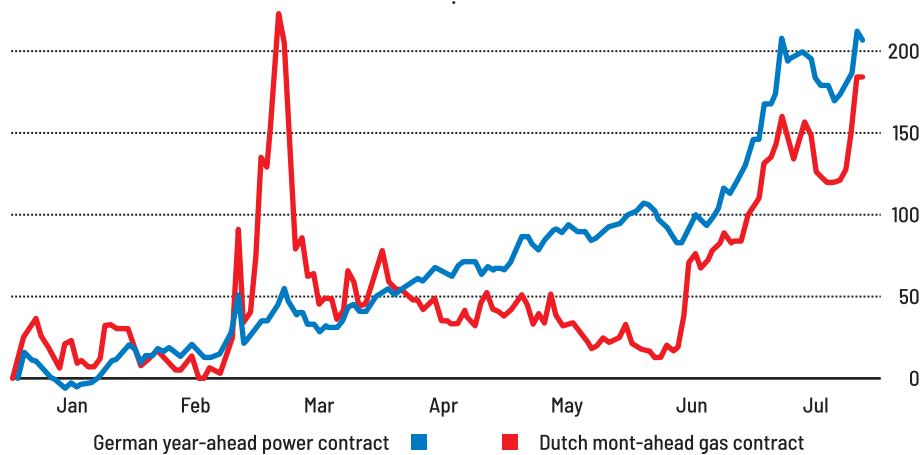


Nguồn: Bloomberg

GIÁ KHÍ ĐỐT Ở CHÂU ÂU

TIẾP TỤC TĂNG NÓNG SAU KHI NGA THẮT CHẶT NGUỒN CUNG

Đơn vị tính: %



Nguồn: Bloomberg

2.1.2. Thị trường trong nước

Giá gas trong nước biến động theo giá gas thế giới, giá gas 7 tháng năm nay tăng 23,78% so với cùng kỳ năm trước, góp phần làm CPI chung tăng 0,35 điểm phần trăm.

2.2. Dự báo

2.2.1. Thị trường thế giới/khu vực

Những nỗ lực đột phá của châu Âu sẽ không đủ, khi nhập khẩu LNG chỉ có thể đáp ứng 40% nhu cầu khí đốt của khu vực vào năm 2026. Mặc dù con số này đã gấp đôi so với năm ngoái, nhưng vẫn còn thiếu nhiều so với khối lượng mà Nga đang cung cấp.

2.2.2. Thị trường trong nước

Ngành dầu khí đang trông đợi những đột phá từ các dự án mới mà tiêu biểu là chuỗi điện khí Lô B - Ô Môn. Dự án này dự kiến sẽ có quyết định đầu tư cuối cùng (FID) vào tháng 7 này, tạo tiền đề cho việc khởi công ngay trong năm 2022 và kỳ vọng đón dòng khí đầu tiên vào năm 2025. Mỏ khí Lô B với trữ lượng khí ước tính khoảng 107 tỉ m³ cũng sẽ đảm bảo nguồn cung cấp khí cho phát điện, thay thế cho một số mỏ khí trường thành đang ở giai đoạn khai thác cuối cùng. Ngoài ra, 4 nhà máy điện khí tại Trung tâm Điện lực Ô Môn với tổng công suất 3.810 MW sẽ bổ sung nguồn cung điện cho khu vực miền Nam trong tương lai

2.3. Khuyến nghị

- *Tìm các giải pháp khác nhau để duy trì sản lượng khai thác, mở rộng phát triển thị trường tiêu thụ sản phẩm.*
- *Cần đặc biệt chú trọng công tác quản trị nguồn hàng và thị trường trên toàn quốc cũng như triển khai phương án mua bán, sáp nhập các đơn vị trên thị trường, khai thác hiệu quả hạ tầng sẵn có tại các tổng kho, trạm chiết nạp, tận dụng tối đa lợi thế quỹ đất.*
- *Điều chỉnh mô hình kinh doanh cho phù hợp với tình hình mới.*
- *Tăng cường kiểm soát rủi ro; đẩy nhanh chuyển đổi số.*

3. THỊ TRƯỜNG PHÂN BÓN

3.1. Thông tin trong kỳ

3.1.1. Thị trường thế giới/khu vực

Giá phân bón thế giới đã hạ nhiệt từ tháng 5 trở lại đây mặc dù vẫn ở mức cao so với mặt bằng của những năm trước. Giá ure tại Bắc Mỹ đã giảm hơn 33% từ đỉnh, hiện đang giao dịch dưới 600 USD/tấn.

Hiện nay, giá nguyên liệu đầu vào như than, khí tự nhiên đảo chiều giảm làm giảm áp lực lên giá phân bón. Lượng phân bón tồn kho trên thế giới, đặc biệt ở châu Mỹ, đang tăng mạnh khi nông dân hạn chế mua vì giá quá cao cũng là yếu tố cho thấy giá phân bón nhiều khả năng sẽ tiếp tục hạ nhiệt.

Nhiều quốc gia trên thế giới đã áp dụng chính sách cấm hoặc hạn chế xuất khẩu phân bón nhằm đảm bảo nguồn cung trong nước. Tuy nhiên, các chính sách sẽ hết hiệu lực từ năm 2023, khi đó nguồn cung phân bón trên thế giới sẽ được gia tăng đáng kể. Đối với ngành phân bón, nhu cầu đã tương đối bão hòa và ổn định.

3.1.2. Thị trường trong nước

Các doanh nghiệp sản xuất phân bón trong nước đang phải đối mặt với tình trạng nguyên liệu đầu vào tăng quá cao. So với thời điểm này năm ngoái, giá một số loại nguyên liệu đã tăng gấp đôi, thậm chí gấp ba lần.

Tính đến nay, tổng công suất của các cơ sở sản xuất phân bón trong nước là 29,25 triệu tấn/năm. Trong đó, sản xuất phân bón vô cơ là 25,2 triệu tấn/năm, sản xuất phân bón hữu cơ là 4 triệu tấn/năm.

Theo số liệu thống kê mới nhất của Tổng cục Hải quan, nhập khẩu phân bón nửa đầu tháng 7/2022 đạt 74.081 tấn, trị giá 30,455 triệu USD. Tính từ đầu năm đến ngày 15/7 nhập khẩu phân bón các loại đạt 1.851.232 tấn và 874,644 triệu USD. So với cùng kỳ năm trước tăng 49,42% về lượng và tăng 19,17% về kim ngạch. 6,5 tháng đầu năm lượng phân bón nhập khẩu cao hơn xuất khẩu gần 808 ngàn tấn.

Trung Quốc vẫn đứng đầu về thị trường cung cấp phân bón cho Việt Nam, chiếm 47% tổng lượng và chiếm 40,7% tổng kim ngạch, đạt 838.158 tấn, tương đương 344,74 triệu USD, giá trung bình 411,3 USD/tấn, giảm 19,3% về lượng, nhưng tăng 22,7% về kim ngạch và tăng 52% về giá so với cùng kỳ năm 2021. Thị trường Nga đứng thứ 2, chiếm 8,4% tổng lượng và chiếm 11,5% tổng kim ngạch, với 149.365 tấn, tương đương 97,28 triệu USD, giá trung bình 651,3 USD/tấn, giảm 23% về lượng, nhưng tăng 56,3% về kim ngạch và tăng 103,3% về giá so với 6 tháng đầu năm 2021.

3.2. Dự báo

3.2.1. Thị trường thế giới/khu vực

Dự báo giá phân bón có thể tiếp tục giảm tới cuối năm 2022 và kéo dài sang năm 2023 trước khi hình thành mặt bằng giá mới. Bên cạnh đó, tồn kho phân bón thế giới đang tăng mạnh cũng là dấu hiệu cho thấy giá phân bón sẽ còn tiếp tục giảm thời gian tới.

3.2.2. Thị trường trong nước

Việc áp thuế xuất khẩu để tăng nguồn cung cho thị trường trong nước với những loại phân bón đã dư cung chưa phải là giải pháp hiệu quả để hạ nhiệt giá phân bón, thậm chí còn khiến doanh nghiệp sản xuất phân bón Việt Nam giảm sức cạnh tranh trước doanh nghiệp nước ngoài bởi phân bón cùng chủng loại nhập khẩu về Việt Nam không bị đánh thuế nhập khẩu nhưng phân bón xuất khẩu từ Việt Nam sẽ bị áp 5%.

Với giá phân bón tăng cao trong khi giá nông sản không tăng tương ứng nên nông dân bỏ ruộng hoặc giảm bón phân nên nhu cầu giảm 30 - 40% so với bình thường.

Để giảm giá thành sản xuất, các doanh nghiệp sản xuất phân bón trong nước đều phải tối đa hóa công suất. Vì vậy, việc áp thuế xuất khẩu để giữ lại lượng phân bón trong bối cảnh thị trường trong nước dư cung sẽ gây thêm khó khăn cho doanh nghiệp.

3.3. Khuyến nghị

- *Linh hoạt triển khai xuất khẩu trong các thời điểm nhu cầu nội địa giảm sút, lượng phân bón tiêu thụ nội địa chậm, tồn kho cao.*
- *Thực hiện chiến lược đa dạng hóa sản phẩm, ưu tiên của công tác nghiên cứu và phát triển là đưa ra các dòng sản phẩm phân bón mới có giá trị cao hơn, giá bán cạnh tranh, đáp ứng nhu cầu của nông dân, bảo đảm hiệu quả kinh tế và quy mô kinh doanh ở từng thị trường.*
- *Tăng cường ứng dụng hệ thống công nghệ thông tin phục vụ cho công tác quản trị, bán hàng, tiếp thị, nhằm tiết giảm chi phí hoạt động và tương tác sâu rộng tới hệ thống phân phối các cấp.*
- *Tiếp tục thực hiện trách nhiệm xã hội, đây là một trong những chiến lược xây dựng hình ảnh thương hiệu gắn gũi, thân thiện với nông dân mà các doanh nghiệp phân bón đang thực hiện rất hiệu quả trong những năm qua.*

4. THỊ TRƯỜNG ĐIỆN

4.1. Thông tin trong kỳ

4.1.1. Thị trường thế giới/khu vực

Mạng lưới điện Ukraine kết nối với mạng lưới điện của châu Âu hồi giữa tháng 3, giúp ổn định nguồn cung liên tục bất chấp chiến sự. Ukraine bắt đầu xuất khẩu điện sang Liên minh châu Âu (EU) thông qua Romania từ đầu tháng 7.

Giá điện hiện chịu ảnh hưởng bởi chi phí khí đốt tự nhiên, được sử dụng để sản xuất điện. Giá khí đốt ở châu Âu lần đầu tiên vượt quá 1.800 USD/ngàn mét khối kể từ đầu tháng 3 vào ngày 5/7, do công nhân dầu khí ở Na Uy đình công đòi tăng lương dẫn đến sản lượng bị sụt giảm.

4.1.2. Thị trường trong nước

Hiện giá bán lẻ điện bình quân vẫn đang áp dụng theo Quyết định 648/QĐ-BCT ngày 20/3/2019, với mức 1.864,44 đồng/kWh (chưa bao gồm thuế GTGT). Nghĩa là 3 năm nay chưa điều chỉnh giá điện, dù có nhiều diễn biến về giá nhiên liệu tăng mạnh do tác động của dịch bệnh và xung đột Nga - Ukraine. Thực tế phải mua điện từ các nguồn điện truyền thống như than, khí hay năng lượng tái tạo như gió và mặt trời, có giá cao hơn giá bán lẻ điện bình quân cũng khiến cho tình hình tài chính của các doanh nghiệp ngành điện lực gặp nhiều khó khăn.

Những dự án thuộc lĩnh vực điện được tập trung triển khai theo các mốc tiến độ đề ra (Dự án Nhà máy nhiệt điện Sông Hậu 1 đã hoàn thành giai đoạn đầu tư xây dựng và đi vào vận hành thương mại ngày 13-5-2022; Dự án Nhà máy nhiệt điện Thái Bình 2 đã hòa đồng bộ bằng dầu ngày 12-5-2022, bằng than ngày 16-6-2022). Các dự án trọng điểm (nâng cấp mở rộng Nhà máy lọc dầu Dung Quất, Lô B...) cũng có nhiều chuyển biến tích cực.

4.2. Dự báo

4.2.1. Thị trường trong nước

Nhu cầu điện vẫn tiếp tục tăng cao, thể hiện rõ vào thời gian cao điểm của mùa hè ở miền Bắc.

Theo phương thức vận hành hệ thống điện tháng 7 năm 2022, dự kiến lũy kế cả năm 2022, điện năng sản xuất và nhập khẩu toàn hệ thống điện ước đạt 274,464 tỷ kWh, tăng 7,6% so với năm 2021.

Trong thời gian tới việc đảm bảo cung cấp điện cho hệ thống điện quốc gia còn tiềm ẩn nhiều khó khăn nếu có các diễn biến bất thường xảy ra như sự cố các nhà máy điện lớn, sự cố lưới điện 500-220kV, sự cố các hệ thống cung cấp khí, gián đoạn nhiên liệu sơ cấp, nhu cầu phụ tải tăng cao đột biến do thời tiết nắng nóng.

4.3. Khuyến nghị

- *Chuỗi dự án khí - điện Lô B - Ô Môn đã chậm trễ rất nhiều năm (Quy hoạch điện VI dự kiến Ô Môn 3 và 4 đưa vào vận hành năm 2013 - 2014). Vì vậy, kiến nghị cần tập trung tháo gỡ các vướng mắc về quy định thủ tục, đẩy nhanh thủ tục thẩm định, phê duyệt để có thể đưa khí vào bờ, cấp nhiên liệu cho các dự án tua bin khí Ô Môn với tổng công suất 3.150 MW vào năm 2025 - 2026.*
- *Nên rà soát, xem xét giãn bớt tiến độ một số dự án tua bin LNG sang giai đoạn sau năm 2030 để có tính khả thi cao hơn. Lượng bù đắp đề nghị được bổ sung bằng tăng thêm công suất các nguồn điện gió, điện mặt trời trong giai đoạn tới năm 2030.*
- *Các thị trường truyền thống lâu nay về xuất khẩu LNG là Qatar, Úc, Indonesia... sau xung đột Nga - Ukraine chắc chắn các nước EU sẽ có nhu cầu lớn từ các nhà xuất khẩu LNG nói trên, do đó, thị trường mua bán LNG sẽ khắc nghiệt hơn. Kiến nghị nên xem xét khả năng xuất khẩu LNG của Nga sang khu vực Đông và Nam Á để nắm thời cơ, nhập khẩu LNG từ quốc gia này.*

5. KHUYẾN NGHỊ CHUNG CHO PVN

Trong bối cảnh nền kinh tế toàn cầu đầy biến động, các doanh nghiệp thuộc PVN cần có những chiến lược tăng trưởng phù hợp để phát huy tiềm năng sức mạnh vượt trội, giữ vững hiệu quả tăng trưởng, uy tín và thương hiệu.

- Để kinh doanh ổn định và vững chắc trong thời bão giá, PVN cần phải tái định vị lại chuỗi giá trị của doanh nghiệp. Phân tích các yếu tố vĩ mô có thể ảnh hưởng đến giá thành sản xuất sản phẩm, xây dựng chính sách giá mới và đánh giá thường xuyên tâm lý khách hàng với chính sách mới là những bước mấu chốt của chiến lược giá thời kỳ lạm phát.
- Lãi suất huy động và cho vay tăng cao trong thời kỳ lạm phát cũng là một yếu tố mà PVN cần chú ý. Đưa hệ số nợ về tỷ lệ an toàn để tiết giảm chi phí lãi vay, tăng lượng tiền và tương đương tiền để dự phòng rủi ro và chuẩn bị cho các kế hoạch đầu tư của doanh nghiệp.
- Hạn chế thâm dụng vốn lưu động cũng là một chiến lược cần đề cao trong giai đoạn lạm phát. Khi lạm phát tăng cao, tiền bị mất giá, nên số lượng tiền mặt cần thiết cho các kế hoạch đầu tư của doanh nghiệp cũng tăng lên, nhiều khi mức tăng là rất đáng kể. Vì vậy, doanh nghiệp cần chủ động đẩy nhanh vòng quay hàng tồn kho, hạn chế để tồn kho quá lâu, thâm dụng vốn lưu động.
- PVN nên hướng trọng tâm vào cơ cấu và hoàn thiện lại bộ máy cũng như con người, định vị thương hiệu nhằm tìm kiếm chiến lược phát triển dài hơi cho doanh nghiệp đi qua thời kỳ khó khăn. Tập trung vào phát triển sản phẩm, cả về chất lượng, mẫu mã và khả năng nhận diện thị trường của sản phẩm. Đẩy mạnh đầu tư vào công nghệ thông tin, chuyển đổi số cũng sẽ giúp các doanh nghiệp có cơ hội mở rộng thị trường phát triển. Doanh nghiệp ứng dụng khoa học công nghệ vào sản xuất sản phẩm, sẽ có sự thay đổi lớn từ phía cung hàng hóa thông qua việc tiết giảm chi phí và tăng năng suất lao động.
- Phát triển nguồn nhân lực, đẩy mạnh đào tạo, truyền thông nội bộ giúp nâng cao hiệu quả và năng suất lao động, giảm tối đa gánh nặng cho doanh nghiệp khi phải thúc đẩy và giám sát người lao động làm việc, nâng cao tính ổn định của tổ chức.
- Liên quan đến một chính sách nổi lên gần đây là minh bạch hóa thị trường vốn, cụ thể là thị trường trái phiếu doanh nghiệp. Sau những vụ việc lùm xùm của một số doanh nghiệp lớn vừa qua, PVN không nên bỏ qua kênh huy động vốn này mà nên chuyên nghiệp hóa, đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn tài chính và pháp lý, kết hợp với truyền thông rõ ràng, minh bạch các sản phẩm trái phiếu của mình để thu hút nhà đầu tư chuyên nghiệp và các quỹ đầu tư tài sản, qua đó nâng tầm thương hiệu của doanh nghiệp.

BẢN TIN KINH TẾ VĨ MÔ SỐ THÁNG 8/2022

PHỤ LỤC I

KINH TẾ VĨ MÔ VIỆT NAM THÁNG 7 NĂM 2022

TT	Các chỉ tiêu	Đơn vị	Tháng 7 2022	7 tháng 2022	Tỷ lệ so sánh (%)			
					A	B	C	
1	Tăng trưởng GDP		n/a	-	-	-	-	
2	Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP)		n/a	n/a	101,6	111,2	108,8	
3	Hoạt động của doanh nghiệp							
3.1	Thành lập mới							
	- Về số lượng	DN	13.200	89.400	92,3	150,73	117,9	
	- Về số vốn đăng ký	Tỷ đồng	123.900	1.006,1	102,4	101	94,4	
	- Về vốn đăng ký bình quân	Tỷ đồng	9,4	11,3	103,1	67	80,1	
	- Về số lao động đăng ký	Người	106.200	621.000	137,6	149	111,8	
3.2	Quay lại hoạt động	DN	2.300	44.300	103,2	47	149,7	
3.3	Rút lui khỏi thị trường							
	- Ngừng kinh doanh có thời hạn	DN	5.285	56.000	103	116,7	139,2	
	- Chờ làm thủ tục giải thể	DN	4.416	28.200	85,8	112,3	100,6	
	- Hoàn tất giải thể	DN	1.767	10.400	104,7	122,5	91	
4	Vốn đầu tư thực hiện toàn xã hội							
4.1	Vốn đầu tư thực hiện từ nguồn NSNN	Nghìn tỷ	46,2	237,6	-	122,5	111,9	
4.2	Vốn FDI đăng ký	Tỷ USD	-	15,54	-	-	92,9	
4.3	Vốn FDI thực hiện	Tỷ USD	-	11,57	-	-	110,2	
4.4	Đầu tư ra nước ngoài (vốn cấp mới và tăng thêm)	Triệu USD	-	313,8	-	-	220	
5	Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng	Nghìn tỷ	471,8	2.717	101,4	127,3	111,7	
6	Hoạt động xuất nhập khẩu hàng hóa							
6.1	Tổng kim ngạch xuất khẩu	Tỷ USD	30,32	216,35	92,3	108,9	116,1	
6.2	Tổng kim ngạch nhập khẩu	Tỷ USD	30,3	215,59	94	-	113,6	
6.3	Cán cân thương mại	Tỷ USD	Xuất siêu 0,021	Xuất siêu 0,76	-	-	-	
7	Chỉ số giá				B	D	A	C
7.1	Chỉ số giá tiêu dùng				103,14	103,59	100,4	102,54
7.2	Chỉ số giá vàng				106,31	-	97,61	106,58
7.3	Chỉ số giá Đô la Mỹ				101,77	-	100,62	100,08
7.4	Lạm phát cơ bản				102,63	-	100,58	101,44

A: Tháng 7/2022 so với tháng trước


B: Tháng 7/2022 so với tháng 7/2021

C: 7 tháng năm 2022 so với cùng kỳ năm 2021

D: Tháng 7/2022 so với tháng 12/2021



Ảnh bìa: Thế giới đang vất vả tìm kiếm nguồn cung cho cuộc khủng hoảng dầu mỏ.

 Pexels/Jan-Rune Smenes Reite



TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ VIỆT NAM
BẢN KINH TẾ ĐẦU TƯ
PHÒNG PHÂN TÍCH - DỰ BÁO

VIỆN NGHIÊN CỨU CHIẾN LƯỢC THƯƠNG HIỆU VÀ CẠNH TRANH
phối hợp thực hiện